TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-02-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Trường Phát**.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Quang Nghĩa**.

2. Ông **Nguyễn Lương Khoa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Thúy** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị L**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp PV, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức P**, sinh năm 1979.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 13, phường T, quận LB, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Tổ 9, ấp CR, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị **Lưu Thị G**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp PV, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Bà **Lê Thị Tr**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp PV, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Ông **Huỳnh A**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp Cây Da, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

3.4. Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Trịnh Thị L, anh Nguyễn Đức P và bà Lê Thị Tr có mặt; Chị Lưu Thị G, ông Huỳnh A, và bà Trần Thị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày: Trên sơ sở tự nguyện, chị và anh Nguyễn Đức P tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai vào năm 2016. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, anh Phong không lo làm ăn mà hay cờ bạc, rượu chè, thường xuyên kiếm chuyện chửi bới đánh đập chị. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2020. Thời gian qua, vợ chồng không thể hòa giải hàn gắn tình cảm và mâu thuẫn càng thêm trầm trọng, tình cảm vợ chồng đến nay không còn, hôn nhân không thể tiếp tục tồn tại nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phong.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đức P có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 14/10/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Đức P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 1359,2m^2 thuộc thửa đất số 261 tờ bản đồ số 36 xã SC, huyện Xuân Lộc, chị và anh Nguyễn Đức P đã tự thỏa thuận chị được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất, chị có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Đức P giá trị tài sản chung bằng tiền là 300.000.000 đồng. Chị và anh Nguyễn Đức P đã làm xong thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chị đã thanh toán được cho anh Nguyễn Đức P số tiền 300.000.000 đồng. Chị đã thực hiện xong thỏa thuận phân chia tài sản chung nhưng anh Nguyễn Đức P chưa giao nhà và đất, tuy nhiên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: các chủ nợ và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Đức P trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị Trịnh Thị L về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và con chung. Vợ chồng sống không được hạnh phúc, nguyên nhân do chị Trịnh Thị L trước đó đã có một đời chồng và có 02 con riêng, các cháu sống cùng vợ chồng anh nhưng do chị Trịnh Thị L sống hay tính toán về tài sản, có ý định lừa gạt chiếm đoạt tài sản là nhà và đất của anh. Anh vẫn lo làm ăn, không có ăn chơi như chị Trịnh Thị L trình bày. Mặc dù vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau gần 02 năm nay, nhưng tình cảm của anh đối với vợ đến nay vẫn còn, nên anh không đồng ý ly hôn. Anh chỉ chấp nhận ly hôn khi chị Trịnh Thị L thanh toán thêm cho anh số tiền 100.000.000 đồng.

Về con chung: Nếu phải ly hôn thì anh đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 14/10/2018 cho chị Trịnh Thị L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có thỏa thuận tự phân chia tài sản chung, hiện nay quyền sử dụng đất thửa 261 tờ bản đồ số 36 xã SC do chị Trịnh Thị L đứng

tên, tuy nhiên do việc thỏa thuận này chỉ thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất, không có thỏa thuận về tài sản trên đất nên anh yêu cầu thanh toán thêm cho anh số tiền là 100.000.000 đồng thì anh mới giao tài sản chung cho chị Trịnh Thị L sử dụng. Anh không yêu cầu ly hôn nên không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung, chỉ yêu cầu chị Trịnh Thị L đưa thêm số tiền 100.000.000 đồng, anh sẽ chấp nhận thỏa thuận ly hôn và giao tài sản chung.

Về nợ chung: Anh không biết gì về số nợ của chị Lưu Thị G và nợ của bà Lê Thị Tr. Số nợ của bà Trần Thị L đã được anh thanh toán xong. Đối với số nợ của ông Huỳnh A chị Ly là người phải thanh toán nợ. Hiện tại anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị G trình bày: Năm 2017, chị có cho vợ chồng chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P vay nhiều lần với tổng số tiền là 55.000.000 đồng. Chị Trịnh Thị L hứa sẽ tự trả số nợ này cho chị theo thỏa thuận chia tài sản với anh Nguyễn Đức P. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ trong vụ án này và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tr trình bày: Từ năm 2016 đến năm 2018, bà có cho vợ chồng chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P mượn tiền nhiều lần để mua con giống, tổng số tiền khoảng 70.000.000 đồng. Đã trả được nhiều lần và còn nợ lại số tiền 16.000.000 đồng. Số tiền này, chị Trịnh Thị L sẽ tự trả số cho bà theo thỏa thuận chia tài sản với anh Nguyễn Đức P. Vì vậy, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ trong vụ án này và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh A trình bày: Từ năm 2017 đến năm 2019, ông có đầu tư cám cho chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P nuôi heo. Sau những lần thanh toán, tiền cám hiện tại chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P còn nợ lại là 3.874.000 đồng. Chị Trịnh Thị L hứa sẽ tự trả số nợ này cho ông theo thỏa thuận của hai vợ chồng. Vì vậy, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ trong vụ án này và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P có nợ bà tiền vật liệu xây dựng , đến nay còn nợ số tiền là 5.000.000 đồng. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ kiến khác, bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân nhân dân huyện Xuân Lộc: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và sự chấp hành pháp luật của các đương sự cơ bản đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trịnh Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức P; Về con chung, chấp nhận sự thỏa thuận của chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P, giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 14/10/2018 cho chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Đức P; Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị L đã được thực hiện xong thỏa thuận

phân chia tài sản chung và không yêu cầu giải quyết, anh Nguyễn Đức P không có yêu cầu phản tố nên không xem xét; Về nợ chung, những người liên quan đến nợ của chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trịnh Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Đức P và yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi ly hôn, anh Nguyễn Đức P có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 13, phường T, quận LB, thành phố Hà Nội, nhưng hiện đang cư trú tại Tổ 9, ấp CR, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Trịnh Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Đức P nên chị Trịnh Thị L là nguyên đơn, anh Nguyễn Đức P là bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án thể hiện vợ chồng chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P có nợ tiền của chị Lưu Thị G, bà Lê Thị Tr, ông Huỳnh A, và bà Trần Thị L nên chị Lưu Thị G, bà Lê Thị Tr, ông Huỳnh A, và bà Trần Thị L tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị Lưu Thị G, ông Huỳnh A, và bà Trần Thị L là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt chị Lưu Thị G, ông Huỳnh A và bà Trần Thị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Trịnh Thị L cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình không hợp, anh Nguyễn Đức P không lo làm ăn mà hay cờ bạc, rượu chè, thường xuyên kiếm chuyện chửi bới đánh đập chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Anh Nguyễn Đức P cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau, tuy nhiên tình cảm của anh đối với vợ đến nay vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mặc dù anh Nguyễn Đức P không đồng ý ly hôn nhưng anh Nguyễn Đức P cũng thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau đã lâu. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Trịnh Thị L xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn, không chấp nhận để vợ chồng hòa giải đoàn tụ và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận cho chị Trịnh Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đức P là phù hợp.

[5] Về con chung: Khi ly hôn, chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P thống nhất giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 14/10/2018 cho chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ý kiến thỏa thuận về việc nuôi dưỡng

con chung sau khi ly hôn của chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy giao con chung cho chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tạm thời chị Trịnh Thị L không yêu cầu anh anh Nguyễn Đức P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị L cung cấp tài liệu chứng cứ xác định chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P có tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 1359,2m^2 thuộc thửa số 261, tờ bản đồ số 36 xã SC, huyện XL. Chị và anh Nguyễn Đức P đã thỏa thuận và thực hiện xong thỏa thuận phân chia tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Đức P thừa nhận vợ chồng có thỏa thuận phân chia tài sản như chị Trịnh Thị L trình bày, tuy nhiên anh Nguyễn Đức P cho rằng vợ chồng chỉ thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất nên yêu cầu chị Trịnh Thị L phải thanh toán thêm số tiền 100.000.000 đồng giá trị tài sản trên đất. Trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ anh Nguyễn Đức P không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung. Mặc dù chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P chưa thống nhất với nhau về việc chia tài sản chung, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết tài sản chung là phù hợp.

[7] Về nợ chung: quá trình thu thập chứng cứ thể hiện chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P có nợ chị Lưu Thị G, bà Lê Thị Tr, ông Huỳnh A, và bà Trần Thị L, tuy nhiên quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, chị Trịnh Thị L, anh Nguyễn Đức P, chị Lưu Thị G, bà Lê Thị Tr, ông Huỳnh A và bà Trần Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đức P.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 14/10/2008 cho chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời chị Trịnh Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Đức P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Đức P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đức P được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0004796 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, chị Trịnh Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trịnh Thị L, anh Nguyễn Đức P và bà Lê Thị Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Chị Lưu Thị G ông Huỳnh A và bà Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS Huyện Xuân Lộc;
- UBND xã SC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trần Trường Phát